

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SON DƯƠNG**

Số: 1938/UBND- NLN

V/v đơn đốc thực hiện công tác tiêm
phòng cho gia súc, gia cầm vụ Thu -
Đông năm 2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Son Dương, ngày 04 tháng 10 năm 2018

Kính gửi:

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện;
- Trạm Khuyến nông huyện;
- Thành viên UBND huyện phụ trách xã, thị trấn;
- Thành viên BCĐ phòng, chống dịch bệnh huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 24/8/2018 của UBND huyện về Kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu Đông năm 2018 trên địa bàn huyện; theo báo cáo của phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, trạm Chăn nuôi và Thú y huyện đến ngày 02/10/2018, tiến độ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ thấp, cụ thể: Tiêm vắc xin LMLM đàn trâu đạt 3,9 % KH, đàn bò đạt 2,9 % KH, đàn lợn đạt 0,1 % KH; tiêm vắc xin THT trâu đạt 49,6 % KH, đàn bò đạt 44,5 % KH, đàn lợn đạt 46,8 % KH, đàn gia cầm đạt 34,7 % KH; tiêm Newcatson gia cầm đạt 42,8 %KH; tiêm dịch tả lợn đạt 53,8 % KH.

Để thực hiện tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu Đông năm 2018 đạt hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra,

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và giao trách nhiệm:

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tăng cường tuyên truyền Luật Thú y và Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 24/8/2018 của UBND huyện về Kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu Đông năm 2018, trên các phương tiện thông tin đại chúng về trách nhiệm của chủ vật nuôi trong việc tiêm phòng cho động vật.

- Chỉ đạo thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm xã tăng cường kiểm tra, đơn đốc việc tổ chức tiêm phòng tại cơ sở; tham mưu đề xuất các giải pháp về tổ chức thực hiện, kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc tổ chức thực hiện việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn phụ trách.

- Yêu cầu chủ vật nuôi chấp hành tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định; nếu không chấp hành việc tiêm phòng và áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho vật nuôi theo quy định, sẽ không hưởng hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khi có dịch bệnh và thiên tai xảy ra.

- Xử lý triệt để những hành vi vi phạm Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT, Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tiến độ 10 ngày một lần về UBND huyện (*qua trạm Chăn nuôi và Thú y huyện*) tổng hợp theo quy định.

- Kết thúc vụ tiêm phòng tổng hợp kết quả tiêm phòng và thanh toán, quyết toán vắc xin tiêm phòng theo quy định.

2. Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện

- Chuẩn bị đầy đủ các loại vắc xin để cung ứng cho các xã, thị trấn đảm bảo kịp thời cho công tác tiêm phòng. Phân công cán bộ phụ trách địa bàn trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát và phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện tiêm phòng đảm bảo đúng kế hoạch.

- Phối hợp, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Chủ động đề xuất tham mưu cho UBND huyện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ theo kế hoạch đề ra. Tổng hợp đầy đủ, chính xác kết quả tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên bàn huyện, tiến độ cung ứng vắc xin, tiến độ tiêm phòng, kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm, kiểm dịch vận chuyển, báo cáo bằng **văn bản** về UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và PTNT huyện*) thời gian 10 ngày/lần, để tổng hợp theo quy định.

- Kết thúc vụ tiêm phòng đôn đốc UBND các xã, thị trấn thanh toán, quyết toán số lượng vắc xin được cấp đã sử dụng trong tiêm phòng theo quy định.

3. Trạm Khuyến nông huyện chỉ đạo cán bộ Khuyến nông phụ trách địa bàn phối hợp với trạm Chăn nuôi và Thú y huyện, UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Thu Đông năm 2018 đạt hiệu quả.

4. Thành viên UBND huyện phụ trách xã, thị trấn căn cứ địa bàn được phân công phụ trách, tăng cường kiểm tra, đôn đốc UBND xã, thị trấn thực hiện có hiệu quả công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm tại cơ sở; phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung công việc trong Kế hoạch tiêm phòng năm 2018. Báo cáo tiến độ thực hiện, những khó khăn vướng mắc tại cơ sở được giao phụ trách về UBND huyện (*qua phòng Nông nghiệp và PTNT huyện*) tổng hợp theo quy định.

5. Thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm huyện (*được kiện toàn tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2012 của UBND huyện về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện*). Theo địa bàn được phân công phụ trách, trực tiếp kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện công tác tiêm

phòng cho đàn gia súc, gia cầm tại cơ sở; tham mưu đề xuất các giải pháp về tổ chức thực hiện, kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc tổ chức thực hiện tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn được phân công phụ trách. Chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành các công việc của Ban chỉ đạo, báo cáo kết quả triển khai, thực hiện đúng thời gian quy định.

6. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện; tổng hợp kết quả tiêm phòng báo cáo UBND huyện theo quy định.

Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức thực hiện. / *we*

Nơi nhận:

- TTr Huyện uỷ, TTrHĐND huyện (B/cáo);
- Chủ tịch UBND huyện;
- Đ/c Hà Quang Chúc - PCT UBND huyện;
- Chánh, Phó VP UBND huyện;
- Như kính gửi (Thực hiện);
- Chuyên viên TH NLN;
- Lưu: Đản (13 b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Quang Chúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ TIÊM PHÒNG VỤ THU ĐÔNG NĂM 2018

Thời điểm ngày 02 tháng 10 năm 2018

TT	Tên xã	Kế hoạch tiêm						Kết quả thực hiện																	
		Đàn trâu (con)	Đàn bò (con)	Đàn lợn (con)	Trong đó: Lợn nái và lợn đực giống	Đàn dê (con)	Đàn gia cầm, thủy cầm (con)	LMLM						Tự huyết trùng (liều)								Newcatson gia cầm		Dịch tả lợn	
								Trâu		Bò		Lợn		Trâu		Bò		Lợn		THT gia cầm		T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH
								T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH				
Tổng số	14.117	9.778	125.119	18.748	17.852	994.382	544	3,9	284	2,9	12	0,1	7.008	49,6	4.351	44,5	58.550	46,8	345.436	34,7	425.547	42,8	67.284	53,8	
1	Tân Trào	385	444	1.842	204	625	24.988	50	13,0	0	0,0	0	-	188	48,8	158	35,6	788	42,8	11.424	45,7	12.480	49,9	920	49,9
2	Trung Yên	410	320	678	124	1.105	13.858	0	0,0	0	0,0	0	-	242	59,0	180	56,3	447	65,9	7.821	56,4	9.850	71,1	424	62,5
3	Minh Thanh	488	249	2.684	122	1.200	35.600	0	0,0	0	0,0	0	-	113	23,2	71	28,5	1.062	39,6	5.703	16,0	6.380	17,9	1.220	45,5
4	Bình Yên	430	118	1.027	210	334	13.822	35	8,1	15	12,7	0	-	242	56,3	62	52,5	562	54,7	5.864	42,4	5.661	41,0	621	60,5
5	Lương Thiện	516	178	522	38	387	9.600	0	0,0	0	0,0	0	-	236	45,7	79	44,4	350	67,0	5.000	52,1	5.000	52,1	362	69,3
	Tú Thịnh	214	329	2.512	252	722	29.286	0	0,0	0	0,0	0	-	184	86,0	171	52,0	1.684	67,0	15.668	53,5	15.220	52,0	1.727	68,8
7	Hợp Thành	272	317	3.127	548	431	55.110	0	0,0	0	0,0	0	-	162	59,6	177	55,8	2.320	74,2	21.364	38,8	24.680	44,8	2.358	75,4
8	TT SD	226	76	2.110	246	326	23.096	155	68,6	45	59,2	0	-	196	86,7	72	94,7	1.837	87,1	15.760	68,2	21.110	91,4	2.020	95,7
9	Phúc ứng	762	257	2.234	208	391	33.741	170	22,3	18	7,0	0	-	468	61,4	138	53,7	1.992	89,2	16.012	47,5	18.983	56,3	2.110	94,4
10	Thượng âm	151	338	593	71	51	20.661	49	32,5	136	40,2	0	-	94	62,3	171	50,6	252	42,5	10.130	49,0	10.130	49,0	266	44,9
11	Kháng Nhật	117	245	6.134	1.001	464	12.222	0	0,0	0	0,0	0	-	124	106,0	246	100,4	3.970	64,7	6.645	54,4	6.241	51,1	4.215	68,7
12	Hợp Hoà	740	264	6.558	687	255	68.100	0	0,0	0	0,0	0	-	348	47,0	122	46,2	2.850	43,5	18.362	27,0	19.763	29,0	2.884	44,0
13	Thiện Kế	157	146	8.281	886	315	26.957	0	0,0	0	0,0	0	-	111	70,7	92	63,0	3.024	36,5	10.623	39,4	10.424	38,7	3.897	47,1
14	Ninh Lai	901	386	10.774	1.763	2.810	31.148	19	2,1	11	2,8	12	0,7	369	41,0	154	39,9	3.694	34,3	9.654	31,0	9.556	30,7	4.028	37,4
15	Tuân Lộ	547	290	2.936	179	374	33.082	0	0,0	0	0,0	0	-	293	53,6	131	45,2	1.184	40,3	12.364	37,4	16.282	49,2	1.527	52,0
16	Thanh Phát	306	66	984	101	790	8.808	0	0,0	0	0,0	0	-	202	66,0	38	57,6	446	45,3	3.820	43,4	3.380	38,4	528	53,7
17	Sơn Nam	715	542	15.022	3.182	203	58.439	0	0,0	0	0,0	0	-	339	47,4	227	41,9	6.256	41,6	23.164	39,6	24.336	41,6	9.665	64,3
18	Đại Phú	889	412	7.106	925	884	40.225	0	0,0	0	0,0	0	-	335	37,7	163	39,6	2.944	41,4	13.884	34,5	17.740	44,1	3.008	42,3
19	Phú Lương	671	402	7.772	655	889	33.728	0	0,0	0	0,0	0	-	352	52,5	168	41,8	2.584	33,2	15.850	47,0	13.762	40,8	3.217	41,4

TT	Tên xã	Kế hoạch tiềm						Kết quả thực hiện																	
		Đàn trâu (con)	Đàn bò (con)	Đàn lợn (con)	Trong đó: Lợn nái và lợn đực giống	Đàn dê (con)	Đàn gia cầm, thủy cầm (con)	LMLM						Tự huyết trùng (liều)								Newcatson gia cầm		Dịch tả lợn	
								Trâu		Bò		Lợn		Trâu		Bò		Lợn		THT gia cầm		T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH
								T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH	T.Số	% TH/KH				
20	Tam Đa	642	510	8.354	952	560	78.760	0	0,0	0	0,0	0	-	284	44,2	163	32,0	3.841	46,0	17.934	22,8	30.227	38,4	4.028	48,2
21	Hào Phú	362	422	3.338	582	255	35.514	0	0,0	0	0,0	0	-	203	56,1	162	38,4	1.098	32,9	10.350	29,1	15.883	44,7	1.264	37,9
22	Lâm Xuyên	258	409	2.813	416	232	25.222	0	0,0	0	0,0	0	-	136	52,7	231	56,5	1.730	61,5	14.130	56,0	13.000	51,5	1.862	66,2
23	Đông Lợi	467	466	2.364	438	927	33.367	0	0,0	0	0,0	0	-	237	50,7	183	39,3	1.352	57,2	8.620	25,8	15.879	47,6	1.632	69,0
24	Sầm Dương	252	154	2.113	450	17	16.270	0	0,0	0	0,0	0	-	126	50,0	65	42,2	1.062	50,3	6.214	38,2	9.242	56,8	1.240	58,7
25	Hồng Lạc	315	171	2.486	572	30	14.684	0	0,0	0	0,0	0	-	158	50,2	85	49,7	1.500	60,3	5.310	36,2	6.515	44,4	1.070	43,0
26	Vân Sơn	192	191	1.266	270	50	26.590	0	0,0	0	0,0	0	-	96	50,0	67	35,1	485	38,3	5.801	21,8	8.264	31,1	527	41,6
27	Vân Phú	319	414	1.840	366	426	19.418	56	17,6	44	10,6	0	-	158	49,5	126	30,4	862	46,8	1.000	5,1	1.000	5,1	912	49,6
28	Đồng Quý	198	150	2.320	291	630	8.688	0	0,0	0	0,0	0	-	107	54,0	56	37,3	780	33,6	3.010	34,6	3.240	37,3	1.143	49,3
29	Quyết Thắng	302	70	3.382	492	106	26.793	0	0,0	0	0,0	0	-	148	49,0	37	52,9	2.177	64,4	8.038	30,0	12.890	48,1	2.635	77,9
30	Chi Thiết	290	343	2.303	396	75	23.002	0	0,0	0	0,0	0	-	152	52,4	128	37,3	1.140	49,5	7.325	31,8	9.650	42,0	1.284	55,8
31	Đông Thọ	1.062	393	3.930	844	1.261	38.019	0	0,0	0	0,0	0	-	317	29,8	152	38,7	1.365	34,7	11.312	29,8	16.228	42,7	1.627	41,4
32	Cấp Tiến	300	457	2.936	555	460	29.192	10	3,3	15	3,3	0	-	123	41,0	158	34,6	1.074	36,6	8.460	29,0	15.323	52,5	1.225	41,7
33	Vĩnh Lợi	261	249	2.778	722	267	46.392	0	0,0	0	0,0	0	-	165	63,2	118	47,4	1.838	66,2	8.820	19,0	17.228	37,1	1.838	66,2